**MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ KIỂM TRA CUỐI KÌ II**

**MÔN ĐỊA LÍ – 10 , NĂM HỌC 2024 -2025**

**I. Ma trận đề kiểm tra giữa kì II**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề**  **/Chương** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | | | | | | | | | | | **Tổng** | | | **Tỉ lệ % điểm** | |
| **TNKQ** | | | | | | | | | **Tự luận** | | |
| *Nhiều lựa chọn* | | | *“Đúng – Sai”[[1]](#footnote-1)* | | | *Trả lời ngắn[[2]](#footnote-2)* | | |
| **Biết** | **Hiểu** | **Vận dụng** | **Biết** | **Hiểu** | **Vận dụng** | **Biết** | **Hiểu** | **Vận dụng** | **Biết** | **Hiểu** | **Vận dụng** | **Biết** | **Hiểu** | **Vận dụng** |  |
| 1 | Địa lí dân cư | * Quy mô dân số, gia tăng dân số và cơ cấu dân số thế giới. * Phân bố dân cư và đô thị hóa trên thế giới. | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |  | 2,5 |
| 2 | Các nguồn , một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế | * Các nguồn lực phát triển kinh tế. * Cơ cấu kinh tế, tổng sản phẩm trong nước và tổng thu nhập quốc gia. | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |  | 2,5 |
| 3 | Địa lí ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản | - Vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.  - Địa lí ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |  | 2,5 |
| Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp, một số vấn đề phát triển nông nghiệp hiện đại trên thế giới và định hướng phát triển nông nghiệp trong tương lai. | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |  | 2,5 |
| 4 | Địa lí ngành công nghiệp | Vai trò, đặc điểm, cơ cấu ngành công nghiệp và các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp. | 1 | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 2 |  | 7.5 |
| Địa lí một số ngành công nghiệp và tổ chức lãnh thổ công nghiệp. | 1 |  |  | 2\* | 2\* |  |  |  | 2 |  |  |  | 3 | 2 | 2 | 22.5 |
| Tác động của công nghiệp đối với môi trường, phát triển năng lượng tái tạo, định hướng phát triển công nghiệp trong tương lai. | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 1 |  |  | 2,5 |
| 5 | Địa lí ngành dịch vụ | Cơ cấu, vai trò, đặc điểm các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố dịch vụ. | 1 |  |  | 2 | 2 |  |  |  |  |  | 1 |  | 3 | 3 |  | 32,5 |
| Địa lí ngành giao thông vận tải. |  | 2 |  |  |  |  |  |  | 2 |  |  | 1 |  | 2 | 3 | 25.0 |
| **Tổng số câu** | | | 8 | 4 |  | 4 | 4 |  |  |  | 4 |  | 1 | 1 | 12 | 9 | 5 | 100 |
| **Tổng số điểm** | | | 3,0 | | | 2,0 | | | 2,0 | | | 3,0 | | | 4,0 | 3,0 | 3,0 | 10,0 | |
| **Tỉ lệ %** | | | 30 | | | 20 | | | 20 | | | 30 | | | 40 | 30 | 30 | 100 | |

**II. Bảng đặc tả đề kiểm tra giữa kì II**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề**  **/Chương** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Nội dung cần đạt** | **Mức độ đánh giá** | | | | | | | | | | | |
| **TNKQ** | | | | | | | | | **Tự luận** | | |
| *Nhiều lựa chọn* | | | *“Đúng – Sai”[[3]](#footnote-3)* | | | *Trả lời ngắn[[4]](#footnote-4)* | | |
| **Biết** | **Hiểu** | **Vận dụng** | **Biết** | **Hiểu** | **Vận dụng** | **Biết** | **Hiểu** | **Vận dụng** | **Biết** | **Hiểu** | **Vận dụng** |
| 1 | Địa lí dân cư | * Quy mô dân số, gia tăng dân số và cơ cấu dân số thế giới. * Phân bố dân cư và đô thị hóa trên thế giới. | Nắm được tình hình phân bố dân cư trên thế giới. | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Các nguồn , một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế | * Các nguồn lực phát triển kinh tế. * Cơ cấu kinh tế, tổng sản phẩm trong nước và tổng thu nhập quốc gia. | Nắm được thành phần của các loại cơ cấu kinh tế. | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Địa lí ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản | - Vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.  - Địa lí ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. | Nắm được đặc điểm sinh thái của một số cây công nghiệp. | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp, một số vấn đề phát triển nông nghiệp hiện đại trên thế giới và định hướng phát triển nông nghiệp trong tương lai. | Biết được đặc điểm của một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp. | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Địa lí ngành công nghiệp | Vai trò, đặc điểm, cơ cấu ngành công nghiệp và các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp. | * Biết được vai trò, đặc điểm của ngành công nghiệp. * Hiểu được các nhân tố ảnh hưởng tới ngành công nghiệp. | 1 | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Địa lí một số ngành công nghiệp và tổ chức lãnh thổ công nghiệp. | * Biết được đặc điểm của một số ngành công nghiêp. * Hiểu được các nhân tố ảnh hưởng tới ngành công nghiệp. * Tính toán liên quan đến các sản phẩm công nghiệp. | 1 |  |  | 2\* | 2\* |  |  |  | 2 |  |  |  |
| Tác động của công nghiệp đối với môi trường, phát triển năng lượng tái tạo, định hướng phát triển công nghiệp trong tương lai. | Biết được cơ cấu của các nguồn năng lượng tái tạo. | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Địa lí ngành dịch vụ | Cơ cấu, vai trò, đặc điểm các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố dịch vụ. | * Biết được cơ cấu, đặc điểm * *Hiểu được các nhân tố ảnh hưởng của ngành dịch vụ.* | 1 |  |  | 2 | 2 |  |  |  |  |  | 1 |  |
| Địa lí ngành giao thông vận tải. | * Nắm được đặc điểm của GTVT đường biển. * Tính toán về các sản phẩm của ngành GTVT. * *Giải thích được sự phân bố của các ngành GTVT.* |  | 2 |  |  |  |  |  |  | 2 |  |  | 1 |
| **Tổng số câu** | | |  | 8 | 4 |  | 4 | 4 |  |  |  | 4 |  | 1 | 1 |
| **Tổng số điểm** | | | 3,0 | | | 2,0 | | | 2,0 | | | 3,0 | | |
| **Tỉ lệ %** | | | 30 | | | 20 | | | 20 | | | 30 | | |

**Lưu ý: Ở có các câu hỏi chú thích “\*” là những câu hỏi có nội dung ở một trong hai đề.**

1. Mỗi câu hỏi bao gồm 4 ý nhỏ, mỗi ý học sinh phải chọn đúng hoặc sai. Một số tài liệu sắp xếp loại câu hỏi này vào loại *Nhiều lựa chọn phức hợp* hoặc *Nhiều lựa chọn có phương án đúng*. [↑](#footnote-ref-1)
2. Đối với môn học không sử dụng dạng này thì chuyển toàn bộ số điểm cho dạng *“Đúng – Sai”*. [↑](#footnote-ref-2)
3. Mỗi câu hỏi bao gồm 4 ý nhỏ, mỗi ý học sinh phải chọn đúng hoặc sai. Một số tài liệu sắp xếp loại câu hỏi này vào loại *Nhiều lựa chọn phức hợp* hoặc *Nhiều lựa chọn có phương án đúng*. [↑](#footnote-ref-3)
4. Đối với môn học không sử dụng dạng này thì chuyển toàn bộ số điểm cho dạng *“Đúng – Sai”*. [↑](#footnote-ref-4)